ĐỀ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC

NHÓM NĂNG LỰC: CM (CL, CN, QL)

TÊN NĂNG LỰC: F069 - KIỂM THỬ PHẦN MỀM

CẤP ĐỘ: 1

**Biểu hiện:**

* Nắm bắt được các khái niệm cơ bản về kiểm thử và yêu cầu kiến thức chuyên môn, kỹ năng đối với nhân viên kiểm thử.
* Hiểu được vòng đời phát triển sản phẩm phần mềm, vòng đời kiểm thử phần mềm theo vòng đời phát triển sản phẩm phần mềm.
* Biết thực hiện kiểm định dựa trên tài liệu các tình huống kiểm định và/hoặc kịch bản kiểm định.
* Biết ghi log kết quả kiểm định, các ảnh hưởng và viết báo cáo kiểm định
* Hiểu quy trình luồng công việc kiểm thử, các hướng dẫn, các mẫu biểu sử dụng trong đơn vị phục vụ công việc kiểm thử
* Có kỷ luật và kiên trì, linh hoạt,nhạy cảm với những điều nhỏ nhất có thể phát sinh ra những ảnh hưởng tới chất lượng phần mềm.
* Có thái độ trung thực, chủ động trong công việc
* Có kỹ năng giao tiếp cả bằng văn bản và lời nói, có khả năng làm việc nhóm.

Contents

[F069.Câu hỏi 1: MC 1](#_Toc447614315)

[F069.Câu hỏi 2: MC 2](#_Toc447614316)

[F069.Câu hỏi 3: MC 2](#_Toc447614317)

# MC

| Anh/Chị cho biết: Vòng đời phát triển một dự án phần mềm gồm các giai đoạn theo thứ tự nào sau đây | | | MC |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Khởi động (Initiation) -> Giải pháp (Solution) ->Xác định yêu cầu (Definition) ->Thực thi (Construction) -> Chuyển giao (Transition) -> Kết thúc (Termination) |  | 0 |
|  | Khởi động (Initiation) -> Thực thi (Construction) -> Giải pháp (Solution) ->Xác định yêu cầu (Definition) -> Chuyển giao (Transition) -> Kết thúc (Termination) |  | 0 |
|  | Khởi động (Initiation) ->Xác định yêu cầu (Definition) -> Giải pháp (Solution) ->Thực thi (Construction) -> Chuyển giao (Transition) -> Kết thúc (Termination) |  | 100 |
|  | Khởi động (Initiation) -> Xác định yêu cầu (Definition) -> Giải pháp (Solution) -> Thực thi (Construction) -> Kết thúc (Termination) -> Chuyển giao (Transition) |  | 0 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Replace 'Right answer' with the correct answer, and each 'Wrong answer' with a plausible alternative. Add hints or feedback for each wrong answer too.* | | |  |

# MC

| Anh/chị cho biết Kiểm thử đơn vị (Unit testing) là: | | | MC |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Kiểm thử sự hiện thực chi tiết của từng đơn vị nhỏ (hàm, class,…) có hoạt động đúng không. |  | 100 |
|  | Kiểm thử yêu cầu về hiệu suất |  | 0 |
|  | Kiểm thử các yêu cầu phi chức năng. |  | 0 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Replace 'Right answer' with the correct answer, and each 'Wrong answer' with a plausible alternative. Add hints or feedback for each wrong answer too.* | | |  |

# MC

| Anh/chị cho biết Kiểm thử Module (Module testing) là: | | | MC |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Kiểm thử các dịch vụ của Module có phù hợp với đặc tả của Module đó không |  | 100 |
|  | Kiểm thử khả năng phát triển của Module đó |  | 0 |
|  | Kiểm thử độ an toàn của Module đó |  | 0 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Replace 'Right answer' with the correct answer, and each 'Wrong answer' with a plausible alternative. Add hints or feedback for each wrong answer too.* | | |  |

# MC

| Anh/chị cho biết Kiểm thử hệ thống (System testing) là | | | MC |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Kiểm thử các yêu cầu không chức năng của phần mềm như hiệu suất, bảo mật,… |  | 100 |
| B | Kiểm thử các chức năng của chương trình |  | 0 |
| C | Kiểm thử độ hài lòng của khách hàng |  | 0 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Replace 'Right answer' with the correct answer, and each 'Wrong answer' with a plausible alternative. Add hints or feedback for each wrong answer too.* | | |  |

# MC

| Anh/chị cho biết Vòng đời bảo trì dự án (Software Maintenance Life Cycle) gồm các giai đoạn nào? | | | MC |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Bắt đầu (Initiation) -> Tiếp nhận yêu cầu (Help Desk -> Sửa lỗi (Bug Fixing) ->Bàn giao (Release) -> Kết thúc (Termination) |  | 0 |
| B | Bắt đầu (Initiation) -> Tiếp nhận yêu cầu (Help Desk) ->Cải tiến (Enhancement) -> Sửa lỗi (Bug Fixing) -> Bàn giao (Release) -> Chuyển giao (Transition) -> Kết thúc (Termination) |  | 100 |
| C | Bắt đầu (Initiation) -> Tiếp nhận yêu cầu (Help Desk) ->Cải tiến (Enhancement) -> Sửa lỗi (Bug Fixing) -> Kết thúc (Termination) |  | 0 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Replace 'Right answer' with the correct answer, and each 'Wrong answer' with a plausible alternative. Add hints or feedback for each wrong answer too.* | | |  |

# MC

| Anh/chị cho biết đâu là nhiệm vụ CHÍNH của kế hoạch kiểm thử (Test Plan) | | | MC |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Lên kế hoạch phân tích kiểm thử và đưa ra các đầu việc |  | 100 |
| B | Khởi động hoạt động sửa lỗi |  | 0 |
| C | Theo dõi tiến độ và độ bao phủ kiểm thử |  | 0 |
| D | Định lượng và phân tích kết quả |  | 0 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Replace 'Right answer' with the correct answer, and each 'Wrong answer' with a plausible alternative. Add hints or feedback for each wrong answer too.* | | |  |

# MC

| Anh/chị cho biết kiểm thử chức năng có thể được thực hiện trong mức nào? | | | MC |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Chỉ thực hiện trong các mức kiểm thử hệ thống và chấp nhận (System and Acceptance testing levels) |  | 0 |
| B | Ở tất cả các mức kiểm thử |  | 100 |
| C | Ở các mức kiểm thử trước Kiểm thử tích hợp (IntegrationTesting) |  | 0 |
| D | Chỉ ở mức kiểm thử chấp nhận (Acceptance Testing Level) |  | 0 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Replace 'Right answer' with the correct answer, and each 'Wrong answer' with a plausible alternative. Add hints or feedback for each wrong answer too.* | | |  |

# MC

| Anh/chị cho biết ai là người THƯỜNG thực hiện các hoạt động debug? | | | MC |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Người phát triển (Developers) |  | 100 |
| B | Người phân tích (Analysts) |  | 0 |
| C | Người kiểm thử (Testers) |  | 0 |
| D | Người xử lý sự cố (Incident Managers) |  | 0 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Replace 'Right answer' with the correct answer, and each 'Wrong answer' with a plausible alternative. Add hints or feedback for each wrong answer too.* | | |  |

# MC

| Anh/chị cho biếtthủ tục quản lý cấu hình (configuration management procedures) nên được triển khai trong khâu nào? | | | MC |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Trong khi lập kế hoạch kiểm thử |  | 0 |
| B | Trong khi phân tích kiểm thử |  | 0 |
| C | Trong khi thực hiện kiểm thử |  | 100 |
| D | Khi đánh giá điều kiện kết thúc (exit criteria) |  | 0 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Replace 'Right answer' with the correct answer, and each 'Wrong answer' with a plausible alternative. Add hints or feedback for each wrong answer too.* | | |  |

# MC

| Anh/chị cho biết lợi ích CHÍNH của việc thiết kế kiểm thử sớm trong vòng đời kiểm thử là gì? | | | MC |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Chi phí rẻ hơn khi thiết kế kiểm thử trong các pha kiểm thử |  | 0 |
| B | Nó giúp ngăn chặn ảnh hưởng từ quá trình code |  | 100 |
| C | Thiết kế kiểm thử sớm hiệu quả hơn thiết kế kiểm thử muộn |  | 0 |
| D | Tiết kiệm thời gian trong quá trình thực hiện các pha kiểm thử khi mà các kiểm thử viên đang bận |  | 0 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Replace 'Right answer' with the correct answer, and each 'Wrong answer' with a plausible alternative. Add hints or feedback for each wrong answer too.* | | |  |

# MC

| Anh/chị cho biết đâu KHÔNG PHẢI là nhiệm vụ của Kiểmsoátkiểm thử (Test Control)? | | | MC |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Đovàphântíchcáckếtquảcủađánhgiá(reviews) vàkiểm thử (testing) |  | 0 |
| B | Quảnlý vàmôtả tiến trình, độbaophủtest vàđiềukiệnhoànthành(exit criteria) |  | 0 |
| C | Đảm bảo việc xây dựng sản phẩm đúng thời hạn |  | 100 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Replace 'Right answer' with the correct answer, and each 'Wrong answer' with a plausible alternative. Add hints or feedback for each wrong answer too.* | | |  |

# MC

| Anh/chị cho biết điều nào dưới đây KHÔNG là nhiệm vụ chính của xây dựng Kế hoạch kiểm thử? | | | MC |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Xácđịnhphạmvi vàcácrủiro, xácđịnhmụctiêu củakiểmthử |  | 0 |
| B | Xácđịnh Phương phápkiểmthử(kỹthuật, cácđầumụckiểmthử, độbaophủ,xácđịnhvàcơchếlàm việcvớicácnhómtham giakiểmthử) |  | 0 |
| C | Theo dõi tiến độ của dự án phát triển phần mềm |  | 100 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Replace 'Right answer' with the correct answer, and each 'Wrong answer' with a plausible alternative. Add hints or feedback for each wrong answer too.* | | |  |

# MC

| Anh/Chị cho biết điều nào dưới đây KHÔNG là nhiệm vụ chính của phân tích và thiết kế kiểm thử? | | | MC |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Tổ chức thực hiện việc kiểm thử |  | 100 |
| B | Xácđịnhcácđiềukiệnkiểmthử dựatrên phântích cácđầumụckiểmthử, thôngsốkỹthuật củacácđầumụcnàyvàhiểurõvềnghiệpvụ(business -behavior) vàcấutrúc(code -  structure) củachúng |  | 0 |
| C | Thiếtkếthửnghiệm: xácđịnhcáctrường hợpkiểmthử |  | 0 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Replace 'Right answer' with the correct answer, and each 'Wrong answer' with a plausible alternative. Add hints or feedback for each wrong answer too.* | | |  |

# MC

| Anh chị cho biết đâu là đầu vào của thực hiện kiểm thử? | | | MC |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Tài liệu phân tích thiết kế, hướng dẫn sử dụng |  | 0 |
| B | Software, Product,Test case, Test script, Test data |  | 100 |
| C | Danh sách lỗi, issue, test log |  | 0 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Replace 'Right answer' with the correct answer, and each 'Wrong answer' with a plausible alternative. Add hints or feedback for each wrong answer too.* | | |  |

# MC

| Anh/chị cho biết đâu là khái niệm đúng về Tình huống kiểm định (Test-case)? | | | MC |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Tậphợpcácyếutốđầuvào, điềukiệnthực hiện  vàkếtquảmongmuốnđượcxâydựngchotừng trường hợpcụthể |  | 100 |
| B | Kịchbảnsửdụngđểkiểmthửhoặckiểmtraso  Sánhkếtquảnhậnđược, dùng chokiểmthửtự động |  | 0 |
| C | Dữ liệu sử dụng để kiểm thử |  | 0 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Replace 'Right answer' with the correct answer, and each 'Wrong answer' with a plausible alternative. Add hints or feedback for each wrong answer too.* | | |  |

# MC

| Anh/chị cho biết đâu là lợi ích của việc thiết kế Tình huống kiểm định (Test-case)? | | | MC |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Giúpnhânviênkiểmthửmớilàmquenvớiứngdụng/hệ thốngmàkhôngcầnđọcyêucầu |  | 100 |
| B | Giúp nhân viên phát triển phần mềm lập trình bao phủ toàn bộ các tình huống được thiết kế |  | 0 |
| C | Giúp khách hang kiểm tra được sản phẩm trước khi bàn giao |  | 0 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Replace 'Right answer' with the correct answer, and each 'Wrong answer' with a plausible alternative. Add hints or feedback for each wrong answer too.* | | |  |

# MC

| Anh/chị cho biết kiểu kỹ thuật thiết kế kiểm thử nào chỉ xây dựng Test-case dựa vào điều kiện đầu vào và đầu ra của cả một thành phần (Component)? | | | MC |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | BlackBoxTechniques |  | 100 |
| B | WhiteBoxTechniques |  | 0 |
| C | GlassBoxTechniques |  | 0 |
| D | ExperienceBasedTechniques |  | 0 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Replace 'Right answer' with the correct answer, and each 'Wrong answer' with a plausible alternative. Add hints or feedback for each wrong answer too.* | | |  |

# MC

| Anh/chị cho biết kiểm định độc lập đem đến lợi ích nào? | | | MC |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Ít chi phí hơn việc người phát triển phần mềm phải kiểm định chính phần code của họ |  | 0 |
| B | Tránh sự thiên vị của tác giả trong việc định nghĩa những tình huống kiểm định hiệu quả |  | 100 |
| C | Người kiểm định tìm ra được lỗi tốt hơn người phát triển phần mềm. |  | 0 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Replace 'Right answer' with the correct answer, and each 'Wrong answer' with a plausible alternative. Add hints or feedback for each wrong answer too.* | | |  |

# MC

| Anh/chị cho biết đâu là tiêu chí quan trọng nhất để chọn một cách tiếp cận kiểm thử (test approach)? | | | MC |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Tính sẵn sang của nhóm kiểm thử để học kỹ thuật mới |  | 0 |
| B | Kỹ năng và kinh nghiệm sẵn có đối với công nghệ kiểm thử được đề xuất |  | 100 |
| C | Tính sẵn sang của công cụ để hỗ trợ kỹ thuật kiểm thử được đề xuất |  | 0 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Replace 'Right answer' with the correct answer, and each 'Wrong answer' with a plausible alternative. Add hints or feedback for each wrong answer too.* | | |  |

# MC

| Anh/Chị cho biết pha rà soát kế hoạch (Review Planning) có mục đích chính nào? | | | MC |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Ghi log các ảnh hưởng |  | 0 |
| B | Tổng hợp theo các chiều (Gather metrics) |  | 0 |
| C | Giao vai trò cho từng thành viên |  | 100 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Replace 'Right answer' with the correct answer, and each 'Wrong answer' with a plausible alternative. Add hints or feedback for each wrong answer too.* | | |  |

# MA

| Anh/chị cho biết Mục tiêu chính của kiểm thử phần mềm là: | | | MA |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Chứng minh sản phẩm phần mềm phù hợp với các yêu cầu đặc tả của nó. |  | 100/2 |
|  | Phát hiện lỗi của sản phẩm. |  | 100/2 |
|  | Thu thập thông tin yêu cầu thêm của khách hàng |  | -100 |
|  | Phát triển sản phẩm theo mong muốn khách hang. |  | -100 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | Partially Correct Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Enter two right and two wrong answers.* | | |  |

# MA

| Anh/chị cho biết các nguyên nhân nào có thể dẫn đến phát sinh lỗi trong phần mềm: | | | MA |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Do mô tả yêu cầu |  | 100/3 |
|  | Do thiết kế phần mềm |  | 100/3 |
|  | Do quá trình thực thi phần mềm |  | 100/3 |
|  | Do chi phí vượt quá dự kiến |  | -100 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | Partially Correct Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Enter two right and two wrong answers.* | | |  |

# MA

| Anh/chị cho biết chất lượng phần mềm được đánh giá bởi những yếu tố nào sau đây: | | | MA |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Đúng tiến độ |  | 100/3 |
|  | Không vượt chi phí dự kiến |  | 100/3 |
|  | Phát hiện ra nhiều khiếm khuyết trước khi bàn giao |  | -100 |
|  | Làm khách hàng hài lòng |  | 100/3 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | Partially Correct Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Enter two right and two wrong answers.* | | |  |

# MA

| Anh/chị cho biết phương pháp kiểm thử chức năng (functional test) được thực hiện ở mức nào: | | | MA |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Mức kiểm định hệ thống (System test) |  | 100/3 |
|  | Mức kiểm định chấp nhận (Acceptance test) |  | 100/3 |
|  | Mức phần tích yêu cầu (Requirement Analytic) |  | -100 |
|  | Mức tích hợp (Integration Testing) |  | 100/3 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | Partially Correct Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Enter two right and two wrong answers.* | | |  |

# MA

| Anh/chị cho biết mô hình nào dưới đây là mô hình phát triển phần mềm: | | | MA |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Mô hình thác đổ (Waterfall Model) |  | 100/3 |
|  | Mô hình chữ V (V-Model) |  | 100/3 |
|  | Mô hình phát triển nhanh (RAD Model) |  | 100/3 |
|  | Mô hình CMMI |  | -100 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | Partially Correct Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Enter two right and two wrong answers.* | | |  |

# MA

| Anh/chị cho biết từ góc độ kiểm thử, đâu là mục tiêu CHÍNH của Quản lý Cấu hình (Configuration Management)? | | | MA |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Xác định phiên bản phần mềm được kiểm thử |  | 100/3 |
|  | Quản lý các phiên bản hồ sơ kiểm thử (testware) |  | 100/3 |
|  | Xây dựng các thành phần mới cho bộ hồ sơ kiểm thử (testware) |  | -100 |
|  | Lưu vết thay đổi các thành phần của hồ sơ kiểm thử (testware) |  | 100/3 |
|  | Phân tích yêu cầu đối với các thành phần mới của hồ sơ kiểm thử (testware) |  | -100 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | Partially Correct Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Enter two right and two wrong answers.* | | |  |

# MA

| Anh/chị cho biết đâu là đặc điểm của kiểm thử hồi quy? | | | MA |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Kiểm thử hồi quy chỉ thực hiện một lần DUY NHẤT |  | -100 |
|  | Kiểm thử hồi quy được dung sau khi đã fixed lỗi |  | 100/2 |
|  | Kiểm thử hồi quy thường là tự động |  | 100/2 |
|  | Kiểm thử hồi quy không cần phải duy trì |  | -100 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | Partially Correct Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Enter two right and two wrong answers.* | | |  |

# MA

| Anh/chị cho biết những hoạt động nào được thực hiện trong quá trình lựa chọn công cụ kiểm thử? | | | MA |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Tìm hiểu quy trình kiểm thử của đơn vị |  | 100/3 |
|  | Xây dựng một chứng minh khái niệm (Proof of Concept) |  | 100/3 |
|  | Triển khai công cụ được lựa chọn cho một dự án dựa trên một lịch trình để tiết kiệm thời gian |  | -100 |
|  | Xác định yêu cầu huấn luyện và cố vấn cho việc sử dụng các công cụ đã chọn |  | 100/3 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | Partially Correct Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Enter two right and two wrong answers.* | | |  |

# MA

| Anh/chị cho biết sử dụng công cụ kiểm thử đem đến những lợi ích nào? | | | MA |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Dễ truy cập thông tin về việc kiểm thử và thực hiện kiểm thử |  | 100/2 |
|  | Giảm thời gian cập nhật testware |  | -100 |
|  | Triển khai dễ và rẻ |  | -100 |
|  | Việc kiểm định được đảm bảo tính thống nhất hơn nhiều |  | 100/2 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | Partially Correct Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Enter two right and two wrong answers.* | | |  |

# MA

| Anh/chị cho biết các kết hợp nào dưới đây mô tả cách tiếp cận đúng nhất cho kiểm thử thành phần (Component Testing) | | | MA |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Kiểm thử chức năng (functional testing) riêng rẽ trong thành phần (component) |  | 100/3 |
|  | Kiểm thử dựa trên cấu trúc của mã nguồn mà không nghi lại các sự cố (Structure-based testing of the code without recording incidents) |  | 100/3 |
|  | Kiểm thử tự động được chạy tới khi thành phần chạy đúng (Automated tests that are run until the component passes |  | 100/3 |
|  | Kiểm thử thành phần các giao diện giữa các modules (Functional testing of the interfaces between modules) |  | -100 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | Partially Correct Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Enter two right and two wrong answers.* | | |  |

# MA

| Anh/chị cho biết ai là người tham gia vào việc kiểm duyệt chính thức (Formal Review)? | | | MA |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Manager |  | 100/3 |
|  | Moderator |  | 100/3 |
|  | Scribe / Recorder |  | 100/3 |
|  | Assistant Manager |  | -100 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | Partially Correct Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Enter two right and two wrong answers.* | | |  |

# MA

| Anh/chị cho biết việc xác minh liên quan đến điều gì dưới đây? | | | MA |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Giúp kiểm tra chất lượng của sản phẩm đã xây dựng |  | -100 |
|  | Giúp kiểm tra xem sản phẩm đã xây dựng đúng với yêu cầu chưa |  | 100/3 |
|  | Giúp cho quá trình phát triển sản phẩm |  | 100/3 |
|  | Là công cụ theo dõi tránh lãng phí và lạc hậu |  | 100/3 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | Partially Correct Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Enter two right and two wrong answers.* | | |  |

# MA

| Anh/chị cho biết triển khai và thực hiện kiểm thử có những nhiệm vụ chính nào dưới đây? | | | MA |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Phát triển và sắp đặt thứ tự ưu tiên các trường hợp kiểm thử, tạo dữ liệu kiểm thử, viết các thủ tục kiểm thử và có thể chuẩn bị khai thác kiểm thử và viết kịch bản kiểm thử tự động. |  | 100/3 |
|  | Tạo nhóm kiểm thử từ các tình huống kiểm thử để thực thi hiệu quả |  | 100/3 |
|  | Xác minh rằng môi trường kiểm thử đã được setup đúng |  | 100/3 |
|  | Xác định điều kiện hoàn thành (exit criteria) |  | -100 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | Partially Correct Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Enter two right and two wrong answers.* | | |  |

# MA

| Anh/chị cho biết trong các phát biểu sau về kiểm thử thiết kế sớm, phát biểu nào đúng? | | | MA |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Kiểm thử thiết kế sớm giúp ngăn chặn việc nhân rộng lỗi |  | 100/3 |
|  | Lỗi tìm thấy trong việc kiểm thử thiết kế sớm tốn kém để fix |  | -100 |
|  | Kiểm thử thiết kế sớm có thể gây ra những thay đổi yêu cầu (requirements) |  | 100/3 |
|  | Kiểm thử thiết kế sớm đòi hỏi nhiều nỗ lực hơn |  | 100/3 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | Partially Correct Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Enter two right and two wrong answers.* | | |  |

# MA

| Anh/chị cho biết đâu là đặc điểm của công nghệ kiểm thử hộp trắng (Wite Box Testing) | | | MA |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Sử dụng kiến thức rõ ràng, cụ thể về sự hoạt động nội bộ của các phần tử được kiểm thử để lựa chọn dữ liệu test |  | 100/2 |
|  | Sử dụng một kiến thức nhất định trong mã chương trình để xác định đầu ra và giả định rằng nhân viên kiểm thử nắm được các logic trong 1 đơn vị (unit) hay 1 chương trình (program) |  | 100/2 |
|  | Kiểm tra hiệu năng của ứng dụng |  | -100 |
|  | Đồng thời kiểm tra chức năng |  | -100 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | Partially Correct Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Enter two right and two wrong answers.* | | |  |

# MA

| Anh/chị cho biết đâu là nhiệm vụ của một Trưởng nhóm Kiểm thử (Test Lead) | | | MA |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Làm việc với nhà cung cấp công cụ kiểm thử để xác định cách tốt nhất để đẩy mạnh công cụ kiểm thử trong dự án |  | 100/3 |
|  | Quyết định cái gì nên kiểm thử tự động, cái gì cần phân cấp và làm thế nào |  | 100/3 |
|  | Viết đặc tả kiểm thử (Test Specifications) |  | -100 |
|  | Viết Báo cáo tổng hợp kiểm thử (Test Summary Reports) dựa trên thông tin thu được trong quá trình kiểm thử |  | 100/3 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | Partially Correct Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Enter two right and two wrong answers.* | | |  |

# MA

| Anh/chị cho biết Kiểm thử hồi quy (Regression test) nên được thực hiện khi nào: | | | MA |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Hàng tuần |  | -100 |
|  | Sauk hi thay đổi phần mềm |  | 100/2 |
|  | Càng thường xuyên càng tốt |  | -100 |
|  | Khi môi trường thay đổi |  | 100/2 |
|  | Khi Trưởng dự án yêu cầu |  | -100 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | Partially Correct Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Enter two right and two wrong answers.* | | |  |

# MA

| Anh/chị kiểm thử tích hợp có những đặc điểm nào dưới đây? | | | MA |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Được thực hiện bằng cách cộng dồn |  | 100/3 |
|  | Nó luôn được thực hiện sau khi làm kiểm thử hệ thống (System Testing) |  | -100 |
|  | Nó bao gồm kiểm thử chức năng (Functional Test) |  | 100/3 |
|  | Nó bao gồm kiểm thử phi chức năng (Non-functional Test) |  | 100/3 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | Partially Correct Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Enter two right and two wrong answers.* | | |  |

# MA

| Anh/chị hãy quyết định mức kiểm thử phù hợp (Deciding How much testing is enough should take into account): | | | MA |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Mức độ rủi ro bao gồm Công nghệ và Nghiệp vụ của sản phẩm và rủi ro của dự án |  | 100/2 |
|  | Các rang buộc của dự án như thời gian và kinh phí |  | 100/2 |
|  | Độ lớn của Nhóm kiểm thử |  | -100 |
|  | Độ lớn của Nhóm phát triển |  | -100 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | Partially Correct Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Enter two right and two wrong answers.* | | |  |

# MA

| Khi được giao một nhánh phần mềm để kiểm thử, Anh/chị cho biết sẽ kiểm thử phần nào: | | | MA |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | Kiểm thử phần thiết yếu nhất đối với quy trình nghiệp vụ |  | 100/2 |
|  | Kiểm thử phần tiềm ẩn lỗi nhiều nhất |  | 100/2 |
|  | Kiểm thử phần chức năng dễ nhất |  | -100 |
|  | Correct Feedback: |  |  |
|  | Incorrect Feedback: |  |  |
|  | Partially Correct Feedback: |  |  |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Enter two right and two wrong answers.* | | |  |

# TF

| Bảng RADIO (Review-Approve-Do-Inform-Ommited) dùng đẻ xác định vài trò và trách nhiệm trong dự án một cách tổng thể  Anh/chị cho biết đúng hay sai? | | | TF |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | True |  | 100 |
|  | False |  | 0 |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Swap 'True' and 'False' to put the right answer first. Do not include hints/feedback.* | | |  |

# TF

| Kiểm thử hộp đen là kiểm thử theo góc nhìn sử dụng, kiểm thử hộp trắng là kiểm thử theo góc nhìn hiện thực.  Anh/chị cho biết đúng hay sai? | | | TF |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | True |  | 100 |
|  | False |  | 0 |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Swap 'True' and 'False' to put the right answer first. Do not include hints/feedback.* | | |  |

# TF

| Anh/chị cho biết phát biểu sau đúng hay sai: ”Chất lượng của phần mềm chủ yếu do khâu kiểm thử.” | | | TF |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | True |  | 0 |
|  | False |  | 100 |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Swap 'True' and 'False' to put the right answer first. Do not include hints/feedback.* | | |  |

# TF

| Anh/chị cho biết phát biểu sau đúng hay sai: Điều kiện hoàn thành (Exit criteria) là một phần của Kế hoạch kiểm thử (Test Planning)? | | | TF |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | True |  | 100 |
|  | False |  | 0 |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Swap 'True' and 'False' to put the right answer first. Do not include hints/feedback.* | | |  |

# TF

| Anh/chị cho biết phát biểu sau đúng hay sai: “Việc phân tích và thiết kế hệ thống tạo ra bộ hồ sơ kiểm thử” | | | TF |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | True |  | 0 |
|  | False |  | 100 |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Swap 'True' and 'False' to put the right answer first. Do not include hints/feedback.* | | |  |

# TF

| Anh/chị cho biết phát biểu sau đúng hay sai: “Mục đích của Điều kiện hoàn thành (Exit Criteria) là để định nghĩa khi nào thì một mức kiểm thử được coi là hoàn tất”. | | | TF |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | True |  | 100 |
|  | False |  | 0 |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Swap 'True' and 'False' to put the right answer first. Do not include hints/feedback.* | | |  |

# TF

| Anh chị cho biết phát biểu sau đúng hay sai: “Kiểm thử xong nghĩa là khi bạn đạt đúng thời hạn bàn giao” | | | TF |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | True |  | 0 |
|  | False |  | 100 |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Swap 'True' and 'False' to put the right answer first. Do not include hints/feedback.* | | |  |

# TF

| Anh/chị cho biết phát biểu sau đúng hay sai: “Kiểm thử tĩnh và kiểm thử động đều có một mục đích chung là tìm ra những ảnh hưởng (defects)” | | | TF |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | True |  | 100 |
|  | False |  | 0 |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Swap 'True' and 'False' to put the right answer first. Do not include hints/feedback.* | | |  |

# TF

| Anh/chị cho biết phát biểu sau đúng hay sai: “Debug effect không phải là mục đích chính của kiểm thử” | | | TF |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | True |  | 100 |
|  | False |  | 0 |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Swap 'True' and 'False' to put the right answer first. Do not include hints/feedback.* | | |  |

# TF

| Anh/chị cho biết phát biểu sau đúng hay sai: “Người biên soạn tài liệu kiểm thử (Author) là người chịu trách nhiệm viết lại những lỗi xuất hiện trong quá trình kiểm thử” | | | TF |
| --- | --- | --- | --- |
| # | 1. Answers | Hints/Feedback | Grade |
|  | True |  | 0 |
|  | False |  | 100 |
|  | General Feedback: |  |  |
| *Swap 'True' and 'False' to put the right answer first. Do not include hints/feedback.* | | |  |